

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Bộ phận cáp treo của Công ty Du lịch Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh) theo Quyết định số 15/QĐ-CT ngày 10 tháng 01 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4503000004 (số mới là 3900309621) ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 11 năm 2004 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 6 tháng 7 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 73/UBCK-GPNY ngày 15 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Kể từ ngày 5 tháng 10 năm 2009, Công ty chuyển sàn niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-SGDHN ngày 5 tháng 10 năm 2009.

- Vốn điều lệ : 31.970.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh	1.630.520	16.305.200.000	51,00
Công ty Bảo hiểm nhân thọ Tây Ninh	300.000	3.000.000.000	9,38
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	211.490	2.114.900.000	6,62
Các cổ đông khác	1.054.990	10.549.900.000	33,00
Cộng	3.197.000	31.970.000.000	100,00

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (84 - 66) 3.624.139 – 3.624.022

Fax : (84 - 66) 3.823.448

Email : catour@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : **3 9 0 0 3 0 9 6 2 1**

- Hoạt động chính của Công ty

- Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo. Cho thuê quảng cáo trên panô, cabin và trụ tháp thuộc địa bàn Công ty quản lý. Nhận chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí từ nước ngoài và kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vật tư thiết bị hàng hóa nông sản. Kinh doanh dịch vụ du lịch. Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa và các dịch vụ du lịch khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Công ty cổ phần;
- Vận chuyển khách bằng hệ thống thiết bị máng trượt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 25).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thái Bình

Chủ tịch

Ông Lê Hữu Phước

Phó Chủ tịch

Ông Đặng Tấn Tài

Thành viên

Ông Trần Trung Kiên

Thành viên

Ông Lê Thanh Sơn

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Võ Phước Hồng

Trưởng ban

Ông Đặng Văn Hoàng

Thành viên

Ông Lý Bình Hòa

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hữu Phước

Giám đốc

Ông Trần Trung Kiên

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tại

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

LÊ HỮU PHƯỚC - Giám đốc

Tây Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2011

Số:0013/2011/BCKQCTSX-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

**Kính gửi: CỎ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011, được lập ngày 15 tháng 7 năm 2011, từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi..

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận về công tác soát xét

Trên cơ sở soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2011

VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0474/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2011	Số dư 01/01/2011
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,496,487,996	106,363,741,531
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	95,370,142,641	2,706,206,897
	1. Tiền	111		1,770,142,641	1,906,206,897
	2. Các khoản tương đương tiền	112		93,600,000,000	800,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,500,000,000	99,000,000,000
	Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	35,500,000,000	99,000,000,000
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5,781,983,142	3,045,075,730
	1. Phải thu khách hàng	131		62,313,000	92,572,800
	2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	491,857,000	524,668,000
	3. Các khoản phải thu khác	133	VI.4	5,227,813,142	2,427,834,930
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	134		-	0
IV.	Hàng tồn kho	140		2,307,106,361	1,380,219,728
	Hàng tồn kho	141	VI.5	2,307,106,361	1,380,219,728
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	0
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		537,255,852	232,239,176
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	337,941,030	0
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	0
	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		189,314,822	194,239,176
	3. Tài sản ngắn hạn khác	158		10,000,000	38,000,000
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,768,358,576	3,431,435,416
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	0
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
	2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	
	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	
	Phải thu dài hạn khác	218	VI.8	-	0
	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II.	Tài sản cố định	220		1,006,795,528	808,609,401
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	202,883,752	211,284,898
	Nguyên giá	222		59,850,056,719	59,814,146,719
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59,647,172,967)	(59,602,861,821)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.8	-	0
	Nguyên giá	225		-	0
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	0
	2. Tài sản cố định vô hình	227		-	0
	Nguyên giá	228		-	0
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	0
	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	803,911,776	597,324,503
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	0
	Nguyên giá	241		-	0
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	0
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.9	1,228,600,000	1,868,600,000
	1. Đầu tư vào công ty con	251		-	

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	0
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1,868,600,000	1,868,600,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(640,000,000)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		532,963,048	754,226,015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10	382,993,373	565,513,895
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.11	149,969,675	188,712,120
Tài sản dài hạn khác	268		-	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142,264,846,572	109,795,176,947
				0

##

###

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

###

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2011	Số dư 01/01/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		12,339,406,942	11,079,731,060
I. Nợ ngắn hạn	310		11,060,938,347	9,960,140,984
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
1. Phải trả người bán	312	VI.12	290,609,410	470,959,180
2. Người mua trả tiền trước	313		10,000,000	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	8,637,791,709	5,857,789,438
4. Phải trả người lao động	315		1,576,740,426	2,495,626,009
5. Chi phí phải trả	316		16,848,436	0
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		22,568,115	10,320,000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	VI.14	506,380,251	1,125,446,357
II. Nợ dài hạn	330		1,278,468,595	1,119,590,076
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	VI.15	957,294,625	972,537,025
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	VI.16	321,173,970	147,053,051
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129,925,439,630	98,715,445,887
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.17	129,925,439,630	98,715,445,887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31,970,000,000	31,970,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		36,767,964,255	36,767,964,255
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,587,470,895	4,587,470,895
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		56,600,004,480	25,390,010,737
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		0	0
2. Nguồn kinh phí	432		0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		142,264,846,572	109,795,176,947

Tây Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2011

LÊ HỮU PHƯỚC **NGUYỄN VĂN SINH**
Giám đốc **Kế toán trưởng**

TRẦN THỊ SONG GIANG
Người lập biểu

###

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2011
(Có so sánh số liệu 6 tháng đầu năm 2010)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	45,860,152,066	33,988,300,565
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45,860,152,066	33,988,300,565
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	1,455,521,025	1,210,620,797
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44,404,631,041	32,777,679,768
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	8,073,590,616	4,532,800,678
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	640,000,000	0
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8 Chi phí bán hàng	24	VII.5	4,755,626,125	4,812,939,715
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	2,982,561,204	2,692,249,280
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44,100,034,328	29,805,291,451
11 Thu nhập khác	31	VII.7	47,725,499	55,283,088
12 Chi phí khác	32		0	0
13 Lợi nhuận khác	40		47,725,499	55,283,088
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44,147,759,827	29,860,574,539
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	11,093,523,639	7,469,765,001
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	38,742,445	89,077,086
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33,015,493,743	22,301,732,452
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	10,327	6,976

Tây Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2011

LÊ HỮU PHƯỚC
Giám đốc

NGUYỄN VĂN SINH
Kế toán trưởng

TRẦN THỊ SONG GIANG
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị	
			6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		44,147,759,827	29,860,574,539
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		44,311,146	93,276,553
- Các khoản dự phòng	03		640,000,000	0
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8,073,590,616)	(4,504,682,158)
- Chi phí lãi vay	06		0	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36,758,480,357	25,449,168,934
- Tăng các khoản phải thu	09		(281,660,805)	(152,603,118)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(926,886,633)	376,680,746
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(661,796,329)	223,540,430
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(155,420,508)	144,226,503
- Tiền lãi vay đã trả	13		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,552,985,322)	(6,139,282,404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		0	0
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,424,566,106)	(1,734,340,193)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23,755,164,654	18,167,390,898
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(242,497,273)	(134,094,487)

-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	0
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(111,800,000,000)	(40,800,000,000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	175,300,000,000	94,350,000,000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
-	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức	27	5,651,268,363	4,267,661,779
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	68,908,771,090	57,683,567,292

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

-	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
-	Tiền chi chuyển đổi doanh nghiệp	32		
-	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
-	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
-	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
-	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		92,663,935,744	75,850,958,190
---------------------------------------	-----------	--	-----------------------	-----------------------

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2,706,206,897	11,545,674,509
---	-----------	--	----------------------	-----------------------

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
---	----	--	---	---

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	95,370,142,641	87,396,632,699
---	-----------	-------------	-----------------------	-----------------------

NGUYỄN VĂN SINH
Kế toán trưởng

TRẦN THỊ SONG GIANG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ - Thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo. Cho thuê quảng cáo trên panô, cabin và trụ tháp thuộc địa bàn Công ty quản lý. Nhận chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí từ nước ngoài và kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
 - Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vật tư thiết bị hàng hóa nông sản. Kinh doanh dịch vụ du lịch. Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa và các dịch vụ du lịch khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Công ty cổ phần;
 - Vận chuyển khách bằng hệ thống thiết bị máng trượt.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 thuộc năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm tài sản cố định hữu hình

Số năm khấu hao

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

6. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng để dựng pano quảng cáo. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

8. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là ½ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn điều lệ mà các cổ đông đã góp.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số dư 30/6/2011</u>	<u>Số dư 01/01/2011</u>
Tiền mặt	677.240.500	951.368.500
Tiền VND	677.240.500	951.368.500
Tiền gửi ngân hàng	1.092.902.141	954.838.397
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	1.001.133	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	896.897.826	393.784.619
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	9.140.409	535.819.039
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hòa Thành - Chi nhánh Tây Ninh	1.330.478	1.314.578
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tây Ninh	2.721.542	2.688.753
Ngân Hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tây Ninh	2.381.533	4.839.101
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh	9.307.875	3.715.837
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	9.913.781	9.798.254
Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định - Chi nhánh Sài Gòn - Phòng giao dịch Tây Ninh	14.930.800	2.878.216
Ngân Hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch Long Hoa	145.276.764	-
Các khoản tương đương tiền	93.600.000.000	800.000.000
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	51.600.000.000	800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

Ngân Hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch Long Hoa	1.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	41.000.000.000	-
Cộng tiền và tương đương tiền	95.370.142.641	2.706.206.897
2. Đầu tư ngắn hạn	Số dư 30/6/2011	Số dư 01/01/2011
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng</i>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	9.000.000.000	48.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	-	17.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh	-	2.000.000.000
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	26.500.000.000	26.500.000.000
Ngân hàng TMCP Gia Định - Chi nhánh Sài Gòn - Phòng Giao dịch Tây Ninh	-	5.000.000.000
Cộng	35.500.000.000	99.000.000.000
3. Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH Kim Sơn	24.000.000	-
Công ty Liên doanh Artdesco	67.500.000	67.500.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc P.A	102.000.000	102.000.000
Công ty TNHH Tây Phố	57.737.000	114.548.000
Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định Xây dựng Tây Ninh	240.620.000	240.620.000
Cộng	491.857.000	524.668.000
4. Các khoản phải thu khác		
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	4.651.500.335	2.229.178.082
Phải thu lại thuế thu nhập cá nhân	555.648.864	176.549.010
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền	20.000.000	20.000.000
Phải thu khác	663.943	2.107.838
Cộng	5.227.813.142	2.427.834.930
5. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu tồn kho	2.307.106.361	1.380.219.728
Cộng	2.307.106.361	1.380.219.728

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số dư 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số dư 30/06/2011
Chi phí thuê đất	-	351.020.607	175.510.303	175.510.304
Chi phí thuê văn phòng	-	90.909.091	45.454.545	45.454.546
Chi phí in vé	-	90.000.000	30.023.820	59.976.180
Chi phí đồng phục	-	114.000.000	57.000.000	57.000.000
Cộng	-	645.929.698	307.988.668	337.941.030

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

7. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư 01/01/2011	12.604.559.972	45.096.692.973	1.144.627.898	894.231.512	74.034.364	59.814.146.719
2. Tăng trong kỳ	-	35.910.000	-	-	-	35.910.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư 30/6/2011	12.604.559.972	45.132.602.973	1.144.627.898	894.231.512	74.034.364	59.850.056.719
II. Hao mòn lũy kế						
1. Số dư 01/01/2011	12.576.473.002	45.068.383.258	1.144.627.898	739.343.299	74.034.364	59.602.861.821
2. Tăng trong kỳ	6.383.367	12.737.490	-	25.190.289	-	44.311.146
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư 30/6/2011	12.582.856.369	45.081.120.748	1.144.627.898	764.533.588	74.034.364	59.647.172.967
III. Giá trị còn lại						-
1. Số dư 01/01/2011	28.086.970	28.309.715	-	154.888.213	-	211.284.898
2. Số dư 30/6/2011	21.703.603	51.482.225	-	129.697.924	-	202.883.752
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số dư 01/01/2011	12.527.959.153	44.976.428.589	1.144.627.898	664.025.599	74.034.364	59.387.075.603
Số dư 30/6/2011	12.527.959.153	44.976.428.589	1.144.627.898	664.025.599	74.034.364	59.387.075.603

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư 30/6/2011
Chi phí xây dựng hệ thống cáp treo mới	597.324.503	206.587.273	-	803.911.776

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số dư 30/6/2011	Số dư 01/01/2011
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (1)	368.600.000	368.600.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh (2)	1.500.000.000	1.500.000.000
	1.868.600.000	1.868.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền (2)	(640.000.000)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư dài hạn	1.228.600.000	1.868.600.000

(1) Khoản đầu tư vào thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với giá trị vốn góp là 368.600.000 VND, chiếm tỷ lệ 5,7% vốn điều lệ của Công ty này. Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập tài chính liên quan đến khoản cổ tức đã thu từ Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với số tiền là 36.860.000 VND (6 tháng đầu năm 2010: 31.331.000 VND).

(2) Khoản đầu tư vào thành lập Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh với giá trị vốn góp là 1.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã quyết định giải thể từ năm 2008 do kinh doanh không hiệu quả. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty này vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể. Trong Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011, Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền với số tiền là 640.000.000 VND trên cơ sở ước tính số lỗ đầu tư vào Công ty này.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số dư 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số dư 30/6/2011
Chi phí thuê đất	26.683.329	-	5.875.002	20.808.327
Chi phí sửa cáp treo	251.271.780	-	136.893.696	114.378.084
Công cụ, dụng cụ	287.558.786	28.685.910	68.437.734	247.806.962
Cộng	565.513.895	28.685.910	211.206.432	382.993.373

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các kỳ kế toán trước:

	Doanh thu chưa thực hiện	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Cộng
Số dư 01/01/2011	36.763.263	151.948.857	188.712.120
Ghi nhận vào kết quả trong kỳ	43.530.230	(82.272.675)	(38.742.445)
Số dư 30/6/2011	80.293.493	69.676.182	149.969.675

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

12. Phải trả người bán

	<u>Số dư 30/6/2011</u>	<u>Số dư 01/01/2011</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex Tây Ninh	64.417.410	37.799.180
Ban Quản lý Khu Du lịch Núi Bà Đen	226.192.000	-
Cơ điện lạnh Trần Được	-	10.470.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Tân Trường Thịnh	-	240.000.000
Công ty TNHH Quảng Cáo Trẻ V&T	-	182.690.000
Cộng	<u>290.609.410</u>	<u>470.959.180</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số dư 01/01/2011</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số dư 30/6/2011</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	48.804.116	4.303.690.114	4.061.314.160	291.180.070
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	91.506.353	91.506.353	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	116.685.954	116.685.954	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.802.985.322	11.130.518.449	8.552.985.322	8.380.518.449
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(194.239.176)	555.648.864	550.724.510	(189.314.822)
Các loại thuế khác	6.000.000	63.503.600	66.415.600	3.088.000
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
<i>Tiền thuế đất</i>	-	<i>351.020.607</i>	<i>351.020.607</i>	-
<i>Thuế khác</i>	<i>6.000.000</i>	<i>63.503.600</i>	<i>66.415.600</i>	<i>3.088.000</i>
Cộng	<u>5.663.550.262</u>	<u>16.261.553.334</u>	<u>13.439.631.899</u>	<u>8.485.471.697</u>

(*) Số thuế thu nhập cá nhân phải thu được trình bày ở chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”.

❖ **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng : 10%

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VII.8

❖ **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số dư 01/01/2011</u>	<u>Trích lập các quỹ từ lợi nhuận</u>	<u>Chi các quỹ trong kỳ</u>	<u>Số dư 30/6/2011</u>
Quỹ khen thưởng	273.161.540	140.625.000	284.000.000	129.786.540
Quỹ phúc lợi	852.284.817	796.875.000	1.272.566.106	376.593.711
Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành	-	868.000.000	868.000.000	-
Cộng	<u>1.125.446.357</u>	<u>1.805.500.000</u>	<u>2.424.566.106</u>	<u>506.380.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

15. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số dư 01/01/2011	Số trích lập trong kỳ	Số chi trong kỳ	Số dư 30/6/2011
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	972.537.025	-	15.242.400	957.294.625

16. Doanh thu chưa thực hiện

	Số dư 30/6/2011	Số dư 01/01/2011
Doanh thu các hợp đồng cho thuê mặt bằng, quảng cáo chưa thực hiện	321.173.970	147.053.051

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2011

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu trong:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2011	31.970.000.000	36.767.964.255	4.587.470.895	25.390.010.737	98.715.445.887
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	33.015.493.743	33.015.493.743
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(937.500.000)	(937.500.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(868.000.000)	(868.000.000)
Số dư 30/06/2011	31.970.000.000	36.767.964.255	4.587.470.895	56.600.004.480	129.925.439.630

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số dư 30/6/2011			Số dư 01/01/2011		
	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh	51,00	1.630.520	16.305.200.000	51,00	1.630.520	16.305.200.000
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tây Ninh	9,38	300.000	3.000.000.000	9,38	300.000	3.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	6,62	211.490	2.114.900.000	6,62	211.490	2.114.900.000
Nhà đầu tư khác	33,00	1.054.990	10.549.900.000	33,00	1.054.990	10.549.900.000
Cộng	100	3.197.000	31.970.000.000	100	3.197.000	31.970.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

Cổ phiếu

	Số dư 30/6/2011	Số dư 01/1/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.197.000	3.197.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	3.197.000	3.197.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.197.000</i>	<i>3.197.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.197.000	3.197.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.197.000</i>	<i>3.197.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Doanh thu vận chuyển	45.476.922.471	33.390.285.623
Doanh thu quảng cáo	239.588.874	327.469.488
Doanh thu khác	143.640.721	270.545.454
Cộng	45.860.152.066	33.988.300.565

2. Giá vốn hàng bán

Chi phí cho nhân viên	330.507.500	312.182.500
Chi phí nguyên vật liệu	651.983.814	385.010.064
Chi phí công cụ, dụng cụ	136.893.696	136.893.696
Chi phí khấu hao	19.120.860	93.276.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.015.155	265.257.984
Chi phí bằng tiền khác	-	18.000.000
Cộng	1.455.521.025	1.210.620.797

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	8.036.730.616	4.483.306.901
Cổ tức	36.860.000	31.331.000
Lãi đầu tư trái phiếu	-	18.162.777
Cộng	8.073.590.616	4.532.800.678

4. Chi phí tài chính

Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	640.000.000	-
Cộng	640.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

5. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Chi phí nhân viên bán hàng	3.799.023.827	3.788.963.422
Chi phí nguyên vật liệu	172.097.761	152.488.474
Chi phí công cụ, dụng cụ	45.168.906	19.129.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.400.865	666.811.888
Chi phí bằng tiền khác	217.934.766	185.546.120
Cộng	4.755.626.125	4.812.939.715

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.147.214.708	1.727.793.573
Chi phí vật liệu quản lý	15.476.563	19.767.393
Chi phí khấu hao	48.459.114	11.724.721
Thuế, phí và lệ phí	178.510.303	353.979.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.939.271	273.439.288
Chi phí bằng tiền khác	301.961.245	305.544.961
Cộng	2.982.561.204	2.692.249.280

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ cho thuê vườn cây	27.465.224	30.454.545
Thu tiền điện hộ kinh doanh	20.259.029	21.074.241
Thu nhập khác	1.246	3.754.302
Cộng	47.725.499	55.283.088

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.147.759.827	29.860.574.539
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	226.334.728	18.485.465
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	411.173.970	147.979.242
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(184.839.242)	(129.493.777)
Thu nhập chịu thuế	44.374.094.555	29.879.060.004
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.093.523.639	7.469.765.001

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.060.771.608	22.301.732.452
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.060.771.608	22.301.732.452
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	3.197.000	3.197.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.341	6.976

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.197.000	3.197.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.197.000	3.197.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nhân viên	6.276.746.035	5.828.939.495
Chi phí nguyên vật liệu	839.558.138	557.265.931
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	182.062.602	156.023.507
Chi phí khấu hao	67.579.974	105.001.274
Thuế, phí và lệ phí	178.510.303	353.979.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.355.291	1.205.509.160
Chi phí bằng tiền khác	519.896.011	509.091.081
Cộng	9.193.708.354	8.715.809.792

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số dư 30/06/2011	Số dư 01/01/2011
Trong vòng 1 năm	526.530.911	486.933.996
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.404.082.426	1.604.082.426
Sau năm thứ 5	14.342.031.427	14.657.138.645
Cộng	16.272.644.764	16.748.155.067

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 05/05HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 2 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2007, chi tiết cụ thể:
 - + Diện tích đất 19.093,8 m² tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786,875 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m²/năm;
 - + Diện tích đất 266.041,1 m² tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá là 782,03125 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 8 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m² đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m²/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh

Ông Lê Hữu Phước

Ông Trần Trung Kiên

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ

Công ty mẹ (cổ đông nắm giữ 51% vốn điều lệ)

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc

	<u>6 tháng đầu năm 2011</u>	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	6.165.779
Thu hộ tiền bán vé lửa	79.671.000	-
Thanh toán doanh thu khoán bán vé xe lửa	-	1.150.000.000

Ông Lê Hữu Phước

Công ty đã thanh toán hộ	104.082.406	-
--------------------------	-------------	---

Ông Trần Trung Kiên

Công ty đã thanh toán hộ	37.140.298	-
--------------------------	------------	---

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 30/06/2011</u>	<u>Số dư 01/01/2011</u>
Ông Lê Hữu Phước		
Phải thu khác	104.013.595	-

Ông Trần Trung Kiên

Phải thu khác	36.371.679	-
---------------	------------	---

3. Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty

	<u>6 tháng đầu năm 2011</u>	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>
Lương, thưởng	1.166.980.000	929.882.109
Phụ cấp	307.995.838	390.000.000
Cộng	1.474.975.838	1.319.882.109

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2011

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	98,05	96,87
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	1,95	3,13
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	8,67	10,09
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	91,33	89,91
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	11,53	9,91
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	12,61	10,68
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	12,40	10,54
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	96,27	87,86
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	71,99	65,62
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	31,03	27,20
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	23,21	20,31
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	33,98	30,25

5. Số liệu so sánh

Một số số liệu của báo cáo năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Tây Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2011

LÊ HỮU PHƯỚC
Giám đốc

NGUYỄN VĂN SINH
Kế toán trưởng

TRẦN THỊ SONG GIANG
Người lập biểu